

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20/8/2025.

“V/v: Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triều Châu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Tuất

Ông Doãn Đức Hùng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Phan Đăng Định – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3- Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 288/2025/TLST-HNGĐ ngày 28/3/2025 về việc “Ly hôn, nuôi con chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Bùi Thị N**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa, huyện Trảng Bom (cũ), tỉnh Đồng Nai (nay là xã Hưng Thịnh, tỉnh Đồng Nai).

- **Bị đơn:** Ông **Phạm Trần Minh S**, sinh năm 1980.

HKTT và trú tại: 70/3, ấp Độc Lập, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom (cũ), tỉnh Đồng Nai (nay là xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai).

(Các đương sự xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai - bà Bùi Thị N trình bày:*

Bà và ông Phạm Trần Minh S tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ trước, sau đó mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T (cũ), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận số 06 ngày 10/02/2020.

Thời gian chung sống ban đầu hạnh phúc, bình thường, những năm gần đây thì hay xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vã thường xuyên, ông S thường hay ăn nhậu, say xỉn, bà đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên

bà yêu cầu ly hôn với ông S. Đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà do bận công việc.

Về con chung: Bà và ông S có 01 con chung là cháu Phạm Minh H, sinh ngày 05/01/2016. Khi ly hôn, bà đồng ý để ông S nuôi con chung và tạm thời không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai – ông Phạm Trần Minh S trình bày:*

Ông và bà Bùi Thị N chung sống tự nguyện từ trước và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T (cũ) vào năm 2020. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng những năm gần đây thì mâu thuẫn giữa vợ chồng phát sinh, thường hay xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm sống, bà N đã dọn ra ngoài sinh sống mấy tháng nay. Ông thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, chưa đến mức phải ly hôn nhưng ông không nói chuyện được với bà N để quay về đoàn tụ. Ngoài ra, ông là người có đạo nên không đồng ý ký ly hôn, do bận công việc nên ông yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung là cháu Phạm Minh H, sinh ngày 05/01/2016, hiện cháu H đang ở với ông. Trường hợp phải ly hôn thì ông đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung, tạm thời ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được bảo đảm quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án: Quá trình chung sống giữa bà Bùi Thị N và ông Phạm Trần Minh S đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho bà N được ly hôn với ông S; Về con chung: Giao cháu Phạm Minh H, sinh ngày 05/01/2016 cho ông S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Ông S không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Bà N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Phạm Trần Minh S cư trú tại số G, ấp Đ, xã G, huyện T (cũ), tỉnh Đồng Nai nay là xã T, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom nay là Tòa án nhân dân khu vực 3- Đồng Nai.

[1.2] *Về thủ tục xét xử vắng mặt*: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị N và ông Phạm Trần Minh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T (cũ), tỉnh Đồng Nai số 06 ngày 10/02/2020 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo trình bày của đương sự tại đơn khởi kiện, bản tự khai thì thấy: bà N và ông S thừa nhận cuộc sống chung có phát sinh mâu thuẫn trong sinh hoạt hằng ngày, vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn chưa được giải quyết dứt điểm nên kéo dài và ngày càng trầm trọng, bà N đã dọn ra ngoài sống mấy tháng nay. Quan hệ hôn nhân phải dựa trên cơ sở tự nguyện, tuy ông S cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức phải ly hôn nhưng ông không thuyết phục được bà N hàn gắn quan hệ vợ chồng cũng như không đưa ra biện pháp nào để hóa giải mâu thuẫn, bà N không đồng ý hòa giải đoàn tụ. Do đó, cần xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông S là có thật, ông bà không tìm được tiếng nói chung, hôn nhân đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

[2.2]. Về con chung: Bà N và ông S có 01 con chung là cháu Phạm Minh H, sinh ngày 05/01/2016. Các đương sự thống nhất nếu ly hôn, ông S được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là phù hợp, vì: hiện tại cháu H đang ở với ông S và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu (BL 23). Tạm thời ông S không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà N và ông S không yêu cầu giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Bà N và ông S trình bày không có nên không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đồng Nai phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 147, 220, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị N.

1. Bà Bùi Thị N được ly hôn với ông Phạm Trần Minh S.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Minh H, sinh ngày 05/01/2016 cho ông Phạm Trần Minh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời bà Bùi Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Bùi Thị N được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Bùi Thị N phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000913 ngày 26/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đ). Bà N đã nộp đủ án phí.

Báo cho bà N và ông S biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Giang Điền (cũ)
(GCNKH số 06 ngày 10/02/2020)
- VKSND KV 3- Đồng Nai;
- Thi hành án DS tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Triều Châu